TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 19/05/2021
V/v tranh chấp ly hôn và kiện đòi lại tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Công Điện

2. Ông Bùi Văn Phục

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Mỹ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 05 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 567/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020, về tranh chấp "Ly hôn và kiện đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bảo Y, sinh năm: 1992; Địa chỉ: ấp Thạnh L, xã T, huyện P, tỉnh H (có mặt)

Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm: 1992; Địa chỉ: ấp Phụng S, xã T, huyện P, tỉnh H (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Bình M (cha chị Y), sinh năm: 1966 (có mặt)

2. Bà Ung Thị Ngọc H (mẹ chị Y), sinh năm: 1964 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Thạnh L, xã T, huyện P, tỉnh H

3. Ông Phạm Ngọc A (cha anh H), sinh năm: 1948 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Phụng S, xã T, huyện P, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 9/11/2020, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bảo Y trình bày:

Chị và anh Phạm Văn H làm lễ cưới và chung sống với nhau vào tháng 8 năm 2020, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống được 17 ngày thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có tình cảm, nên bất đồng quan điểm và không thật sự quan tâm chăm sóc cho nhau, từ đó dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng cũng đã chính thức ly thân từ tháng 9/2020 đến nay và không hàn gắn đoàn tụ được. Sau khi ly thân chị Y đã trả lại cho anh H số vàng cưới là 10 chỉ vàng 24K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung; về nợ chung: Không có.

Nay chị Y yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn H; Về con chung; Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Đối với việc anh H yêu cầu chị Y trả lại số tiền nạp tài 50.000.000 đồng, chị Y không thống nhất vì gia đình chị Y đã sử dụng hết số tiền trên vào việc tổ chức lễ cưới.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Văn H trình bày:

Anh H thừa nhận về quan hệ hôn nhân; con chung và tài sản chung như chị Y trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H muốn được gần gủi chị Y, nhưng chị Y không đồng ý và anh chị mới chung sống được 17 ngày thì chị Y tự ý bỏ nhà đi. Vợ chồng ly thân từ tháng 9/2020 đến nay.

Nay chị Y yêu cầu ly hôn anh H cũng thống nhất ly hôn; Về con chung; Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu. Anh H thừa nhận chị Y đã trả lại số vàng cưới là 10 chỉ vàng 24K.

Anh H có phản tố yêu cầu chị Nguyễn Thị Bảo Y trả lại số tiền nạp tài 50.000.000 đồng, đây là số tiền gia đình anh H đưa cho gia đình chị Y để chuẩn bị đám cưới, nhưng nay vợ chồng ly hôn thì phải trả lại cho anh H.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc A trình bày:

Nay chị Y và anh H ly hôn thì ông Phạm Ngọc A cũng đồng ý. Đối với yêu cầu của anh H buộc chị Y và gia đình trả số tiền 50.000.000 đồng nạp tài lúc đám cưới, trong đó 40.000.000 đồng nạp tài và 10.000.000 đồng để cô dâu mua sắm đồ cưới thì phải trả lại cho gia đình ông Ngọc A, để ông Ngọc A cưới vợ khác cho anh Phạm Văn H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Bình M trình bày:

Nay chị Y và anh H ly hôn thì tuỳ quyết định của chị Y và anh H. Đối với

yêu cầu của anh H buộc chị Y và gia đình trả số tiền 50.000.000 đồng nạp tài lúc đám cưới, đây là số tiền bên gia đình anh H tự nguyện đưa cho bên gia đình ông M, bà H (bên cô dâu) để chuẩn bị đám cưới chứ gia đình ông M, bà H không có yêu cầu, trong đó 40.000.000 đồng nạp tài để tổ chức lễ cưới và 10.000.000 đồng để cô dâu mua sắm đồ cưới, trang điểm và gia đình bên ông M, bà H đã tổ chức đám cưới đặt mâm bàn đãi khách hết số tiền trên. Do đó ông M, bà H không đồng ý với yêu cầu đòi lại 50.000.000 đồng của anh Phạm Văn H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Ung Thị Ngọc H trình bày:

Chị Y lấy anh H cũng đã mang tiếng có một đời chồng, còn số tiền 50.000.000 đồng gia đình đã sử dụng để tổ chức đám cưới hết, nay không còn. Do đó ông M, bà H không đồng ý với yêu cầu đòi lại 50.000.000 đồng của anh Phạm Văn H.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Phụng Hiệp phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 3, 4, 5, 7, 166 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn Nguyễn Thị Bảo Y và bị đơn Phạm Văn H ly hôn

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Bác yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn trả lại số tiền 50.000.000 đồng

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị đơn nộp án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bảo Y và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2020 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc được 17 ngày thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tin yêu nhau, không tôn trọng nhau và vì vợ chồng không thật sự quan tâm chăm sóc cho nhau, từ đó dẫn đến mất hạnh phúc và chính thức ly thân, trong suốt quá trình ly thân vợ chồng cũng không hàn gắn đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án và tại tòa chị Y vẫn kiên quyết ly hôn, anh H

cũng thống nhất ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Y và anh H.

[2] Về con chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết

[4] Đối với yêu cầu phản tố của anh Phạm Văn H về việc đòi chị Nguyễn Thị Bảo Y trả lại số tiền nạp tài 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo phong tục tập quán thì đây là số tiền nạp tài mà gia đình nhà trai tự nguyện đưa cho gia đình nhà gái để chuẩn bị đám cưới, bản thân anh H cũng thừa nhận số tiền 50.000.000 đồng đưa cho gia đình chị Y để chuẩn bị đám cưới trong đó 40.000.000 đồng nạp tài và 10.000.000 đồng để cô dâu trang điểm, mua sắm đồ cưới và gia đình chị Y cũng đã có sử dụng để tổ chức đám cưới, nhưng anh cho rằng chưa hết, còn thực tế chi phí bao nhiêu anh H không rõ. Như vậy anh H cũng thống nhất gia đình chị Y đã dùng số tiền trên để chuẩn bị lễ cưới và lễ cưới cũng đã diễn ra. Đồng thời khi giao số tiền trên giữa anh H và chị Y không có thoả thuận nào khác. Do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu phản tố đòi lại 50.000.000 đồng của anh H. Ngoài ra đối với số vàng cưới 10 chỉ vàng 24K, đây là tài sản chung giữa chị Y và anh H, nhưng chị Y đã tự nguyện trả lại toàn bộ cho anh H, không yêu cầu chia là đã có lợi cho anh H.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 55 Luật hôn nhân gia đình; các Điều 5, 7, 166 Bộ luật dân sự; Các Điều 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bảo Y và anh Phạm Văn H.

Về con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Phạm Văn H về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Bảo Y trả lại số tiền 50.000.000 đồng

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bảo Y phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

0007099 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Chị Y đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn H phải nộp 2.500.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000 đồng theo biên lai số 0007294 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Anh H còn phải nộp số tiền 1.250.000 đồng.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h. Phụng Hiệp;
- THA h. Phụng Hiệp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Tiến Dũng